



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 1714445463 ngày 20 tháng 9 năm 2007
ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koo Liang Kwee	Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 9 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00369-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		565.976.402.211	437.802.373.092
Tiền	110	6	3.664.973.109	52.906.237.842
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		316.353.884.932	278.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	316.353.884.932	278.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.088.370.861	38.639.247.295
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	100.589.962.662	31.900.650.259
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.269.073.295	1.121.822.049
Phải thu ngắn hạn khác	136		9.229.334.904	5.616.774.987
Hàng tồn kho	140	10(a)	132.415.944.133	66.834.815.803
Hàng tồn kho	141		132.851.321.710	67.657.748.798
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(435.377.577)	(822.932.995)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.453.229.176	922.072.152
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.453.229.176	922.072.152
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.165.167.297.653	1.077.074.227.163
Tài sản cố định	220		1.031.781.218.044	588.694.799.926
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.031.781.218.044	588.694.799.926
Nguyên giá	222		1.984.016.219.393	1.490.592.567.067
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(952.235.001.349)	(901.897.767.141)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		12.448.039.103	454.434.228.253
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	12.448.039.103	454.434.228.253
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	-	30.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		120.938.040.506	3.945.198.984
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	119.170.870.280	1.858.017.449
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		830.111.269	953.969.994
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	937.058.957	1.133.211.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.731.143.699.864	1.514.876.600.255

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		919.637.362.923	756.890.699.027
Nợ ngắn hạn	310		803.608.249.323	633.470.094.227
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14(a)	143.146.338.914	153.976.563.987
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.123.388	2.126.673.122
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	228.935.190.851	141.224.301.119
Phải trả người lao động	314		4.031.563.892	6.675.450.270
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	10.780.228.293	9.910.282.883
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.097.641.430	14.573.404.988
Vay ngắn hạn	320	18	388.952.250.674	293.814.235.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.633.911.881	11.169.182.492
Nợ dài hạn	330		116.029.113.600	123.420.604.800
Phải trả người bán dài hạn	331	14(b)	116.029.113.600	123.420.604.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		811.506.336.941	757.985.901.228
Vốn chủ sở hữu	410	20	811.506.336.941	757.985.901.228
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		324.906.086.669	271.385.650.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		203.685.650.956	122.493.100.844
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		121.220.435.713	148.892.550.112
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.731.143.699.864	1.514.876.600.255

Ngày 9 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	843.554.797.967	617.887.152.154
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	418.631.944	1.232.088.251
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	843.136.166.023	616.655.063.903
Giá vốn hàng bán	11	26	709.336.571.054	526.459.714.220
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		133.799.594.969	90.195.349.683
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	21.226.193.278	15.213.228.640
Chi phí tài chính	22	28	6.837.401.333	11.154.191.080
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.522.597.407	5.112.106.335
Chi phí bán hàng	25	29	3.451.831.403	3.838.215.970
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6.611.146.251	6.678.254.745
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		138.125.409.260	83.737.916.528
Thu nhập khác	31		1.751.286.207	2.947.252.412
Chi phí khác	32		1.538.952.823	1.100.821.975
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		212.333.384	1.846.430.437
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		138.337.742.644	85.584.346.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	12.064.168.818	6.842.754.445
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	123.858.725	(90.208.558)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		126.149.715.101	78.831.801.078
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.696	1.649

Ngày 9 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		138.337.742.644	85.584.346.965
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.494.416.026	47.491.669.453
Các khoản dự phòng	03		(1.454.858.675)	1.248.828.670
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.119.920.489)	(2.205.362.968)
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(7.749.278.415)	(6.717.585.411)
Chi phí lãi vay	06		6.522.597.407	5.112.106.335
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		173.030.698.498	130.514.003.044
Biến động các khoản phải thu	09		(66.549.613.450)	(13.499.985.719)
Biến động hàng tồn kho	10		(63.930.117.071)	(18.242.669.167)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		102.201.837.769	13.800.968.825
Biến động chi phí trả trước	12		(1.224.256.752)	893.334.354
			143.528.548.994	113.465.651.337
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.326.274.982)	(5.088.314.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.284.899.569)	(3.158.170.964)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.364.549.999)	(7.595.867.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.552.824.444	97.623.298.699
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(198.695.536.458)	(83.141.107.808)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(246.800.175.342)	(66.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		238.946.290.410	52.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.370.140.161	1.559.537.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(204.149.281.229)	(95.581.570.066)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

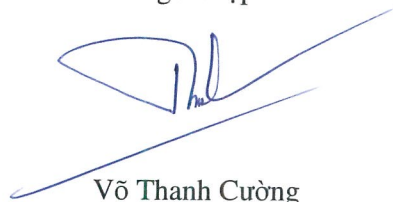
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		771.836.313.877	572.048.424.257
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(676.698.298.569)	(584.810.697.495)
Tiền chi trả cổ tức	36		(59.811.061.500)	(142.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.326.953.808	(12.905.253.238)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(49.269.502.977)	(10.863.524.605)
Tiền đầu kỳ	60		52.906.237.842	16.400.170.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		28.238.244	(31.185)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	3.664.973.109	5.536.614.695

Ngày 9 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 200 nhân viên (1/1/2022: 196 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 237.632 triệu VND (1/1/2022: 195.668 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 18). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 201.048 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

12042-
NHÀ
GTYT
PMG
HỒ G

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	125.514.414	129.562.498
Tiền gửi ngân hàng	3.539.458.695	52.776.675.344
	<hr/>	<hr/>
	3.664.973.109	52.906.237.842
	<hr/>	<hr/>

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,9% đến 5,4% một năm (1/1/2022: từ 4,9% đến 5,4% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị là 126.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 14(b)) (1/1/2022: 126.500 triệu VND thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 14(b))).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Trong kỳ, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	90.159.118.656	22.639.469.383
International Consolidated Business Pty Ltd	9.029.891.390	8.090.809.650
Các khách hàng khác	1.400.952.616	1.170.371.226
	100.589.962.662	31.900.650.259

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, phải thu của khách hàng có giá trị là 100.590 triệu VND (1/1/2022: 31.901 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	90.159.118.656	22.639.469.383

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần Thiết bị Sài Gòn	603.774.000	-
Công ty TNHH Kỹ Lục	145.800.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuân Việt	128.756.379	-
Các nhà cung cấp khác	390.742.916	1.121.822.049
	1.269.073.295	1.121.822.049

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm 681 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2022: 885 triệu VND).

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	214.850.000	-
Nguyên vật liệu	68.029.140.777	-	18.758.357.016	-
Công cụ và dụng cụ	3.087.108.739	(435.377.577)	6.303.324.790	(822.932.995)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.487.566.688	-	21.216.807.533	-
Thành phẩm	24.240.919.267	-	21.158.448.559	-
Hàng hóa	6.586.239	-	5.960.900	-
	132.851.321.710	(435.377.577)	67.657.748.798	(822.932.995)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 132.416 triệu VND (1/1/2022: 66.835 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	822.932.995	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	413.599.407
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(387.555.418)	-
Số dư cuối kỳ	435.377.577	413.599.407

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	11.664.244.714	(10.727.185.757)	12.927.700.555	(11.794.489.014)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	11.794.489.014	10.738.372.453
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.025.112.971
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.067.303.257)	(189.883.708)
Số dư cuối kỳ	10.727.185.757	11.573.601.716

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 33.466 triệu VND (1/1/2022: 16.196 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 35.188 triệu VND (1/1/2022: 14.101 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	454.434.228.253	2.216.320.512
Tăng trong kỳ	54.445.269.313	295.874.341.117
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(492.329.971.911)	(2.024.388.133)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.101.486.552)	-
Số dư cuối kỳ	12.448.039.103	296.066.273.496

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 201 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 3.766 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Hệ thống máy lọc	12.448.039.103	-
Dự án mở rộng sản xuất	-	454.205.653.793
Các công trình khác	-	228.574.460
	12.448.039.103	454.434.228.253

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi trả chậm VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	151.825.444	1.706.192.005	1.858.017.449
Tăng trong kỳ	114.049.287.000	-	-	114.049.287.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	335.054.545	3.766.432.007	4.101.486.552
Phân bổ trong kỳ	-	(306.900.272)	(531.020.449)	(837.920.721)
Số dư cuối kỳ	114.049.287.000	179.979.717	4.941.603.563	119.170.870.280

14. Phải trả người bán

(a) **Phải trả người bán ngắn hạn**

(i) *Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn*

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Krones AG (*)	68.846.665.752	91.446.136.000
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	27.865.408.344	45.734.740.721
Tổng Công ty Cổ ph Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	28.089.007.555	-
Các nhà cung cấp khác	18.345.257.263	16.795.687.266
	143.146.338.914	153.976.563.987

(*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	28.089.007.555	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	111.617.371
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	118.156.500

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) **Phải trả người bán dài hạn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Krones AG	116.029.113.600	123.420.604.800

- (*) Phải trả ngắn hạn và dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 126.000 triệu VND (Thuyết minh 7(a)) tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 96.000 triệu VND (Thuyết minh 7(a)) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (Thuyết minh 7(b))).

Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả dài hạn cho Krones AG đến ngày thanh toán là 4.942 triệu VND (1/1/2022: 5.473 triệu VND). Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn sẽ được thanh toán lần lượt vào tháng 10 năm 2022 và năm 2024.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.246.123.181	765.341.673.288	(709.262.536.966)	179.325.259.503
Thuế giá trị gia tăng	13.258.065.432	156.125.437.839	(128.634.798.645)	40.748.704.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.395.816.872	12.064.168.818	(8.284.899.569)	8.175.086.121
Thuế thu nhập cá nhân	324.295.634	1.904.616.496	(1.542.771.529)	686.140.601
Các loại thuế khác	-	3.089.023	(3.089.023)	-
	141.224.301.119	935.438.985.464	(847.728.095.732)	228.935.190.851

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	8.759.021.446	8.892.371.925
Thù lao Hội đồng Quản trị	23.000.000	46.000.000
Chi phí khác	1.998.206.847	971.910.958
	10.780.228.293	9.910.282.883

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	18.053.057.000	10.364.118.500
Phải trả khác	3.044.584.430	4.209.286.488
	21.097.641.430	14.573.404.988

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong kỳ	30/6/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	293.814.235.366	771.836.313.877 (676.698.298.569)	388.952.250.674

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Ngân hàng Bangkok Public (i)	VND	3,9% - 4,2%	180.852.250.674	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	4,5% - 5,2%	119.100.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	VND	5,2%	89.000.000.000	194.291.999.211
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iv)	VND	4,5%	-	99.522.236.155
			388.952.250.674	293.814.235.366



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 190.000 triệu VND và được đảm bảo bởi công ty mẹ.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 35.188 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 56.224 triệu VND (Thuyết minh 10(a)) và tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 14.101 triệu VND (Thuyết minh 11)).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 132.416 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 10.611 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)) và bằng khoản phải thu của khách hàng có giá trị là 100.590 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 31.901 triệu VND) (Thuyết minh 8(a)).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và đã hết hạn trong kỳ (1/1/2022: được đảm bảo bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.500 triệu VND).

Công ty có hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MB”) – Chi nhánh Quảng Ngãi với hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của MB tại ngày giải ngân. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.169.182.492	8.665.859.293
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	1.053.590.487
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	4.829.279.388	4.639.000.000
Sử dụng trong kỳ	(9.364.549.999)	(7.758.817.288)
Số dư cuối kỳ	6.633.911.881	6.599.632.492

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	450.000.000.000	36.600.250.272	191.046.691.331	677.646.941.603
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	78.831.801.078	78.831.801.078
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(1.053.590.487)	(1.053.590.487)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.639.000.000)	(4.639.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021	450.000.000.000	36.600.250.272	264.085.901.922	750.686.152.194
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	79.538.749.034	79.538.749.034
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.639.000.000)	(4.639.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	450.000.000.000	36.600.250.272	271.385.650.956	757.985.901.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	126.149.715.101	126.149.715.101
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.829.279.388)	(4.829.279.388)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	450.000.000.000	36.600.250.272	324.906.086.669	811.506.336.941

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022	và 1/1/2022
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 8 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2021 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu (2021: 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.067.820.654	2.202.820.654
Từ hai đến năm năm	8.271.282.615	8.271.282.615
Sau năm năm	42.857.707.522	43.883.119.956
	<hr/>	<hr/>
	53.196.810.791	54.357.223.225
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	51	1.227.955	33	833.118
EUR	819	18.948.451	183.990	4.169.304.635
		<hr/>		<hr/>
		20.176.406		4.170.137.753
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.891.300.994	52.025.560.163
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	837.003.529.199	613.262.008.866
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.602.333.822.342	1.159.962.573.901
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(765.330.293.143)	(546.700.565.035)
▪ Bán phế liệu	6.551.268.768	4.625.143.288
	843.554.797.967	617.887.152.154
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	418.631.944	1.232.088.251
Doanh thu thuần	843.136.166.023	616.655.063.903

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	710.791.429.729	525.210.885.550
▪ (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho và		
<i>thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</i>	(1.454.858.675)	1.248.828.670
	709.336.571.054	526.459.714.220

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.719.278.415	6.717.585.411
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	386.994.374	340.420.061
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.119.920.489	8.155.223.168
	<hr/>	<hr/>
	21.226.193.278	15.213.228.640
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.522.597.407	5.112.106.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	314.803.926	92.224.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.949.860.200
	<hr/>	<hr/>
	6.837.401.333	11.154.191.080
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.729.956.167	2.423.139.178
Chi phí nhân viên	572.549.634	1.062.381.462
Chi phí bán hàng khác	149.325.602	352.695.330
	<hr/>	<hr/>
	3.451.831.403	3.838.215.970
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.975.483.008	4.127.776.245
Chi phí khấu hao và phân bổ	510.987.859	486.676.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.196.777	369.905.245
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	236.282.116	163.519.639
Thuế và lệ phí	454.552.675	494.622.802
Chi phí quản lý khác	1.007.643.816	1.035.754.350
	<hr/>	<hr/>
	6.611.146.251	6.678.254.745

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	655.598.295.566	463.982.682.884
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.494.416.026	47.491.669.453
Chi phí nhân công và nhân viên	22.132.155.548	22.534.531.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.341.265.096	6.330.278.558
Chi phí khác	2.187.271.674	4.295.086.982
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	12.059.319.999	6.623.286.438
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.848.819	219.468.007
	12.064.168.818	6.842.754.445
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	123.858.725	(90.208.558)
	12.188.027.543	6.752.545.887

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	138.337.742.644	85.584.346.965
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.750.661.397	12.837.652.045
Chi phí không được khấu trừ thuế	213.762.418	408.920.830
Ưu đãi thuế	(8.595.413.764)	(6.713.494.995)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác	(185.831.327)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.848.819	219.468.007
	12.188.027.543	6.752.545.887

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b. Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tất cả các ưu đãi miễn thuế và giảm thuế đều không được áp dụng với lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư mở rộng và thu nhập khác.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	126.149.715.101	78.831.801.078
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.829.279.388)	(4.639.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	121.320.435.713	74.192.801.078

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.547.922.947.670	1.113.520.771.248
Doanh thu khác	256.606.800	-
Mua nguyên vật liệu	585.375.234.252	383.213.487.084
Cổ tức	44.925.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	217.000.000	275.900.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	626.965.640	588.670.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	1.750.000.500	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	144.652.000	105.724.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	129.994.054	119.306.510
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	49.738.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	14.966.794	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Hội đồng Quản trị

Thù lao

Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)	40.000.000	-
Ông Teo Hong Keng – Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	49.753.922	89.753.922
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	55.885.163	55.885.163
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	27.885.163	55.885.163
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	55.885.163	55.885.163
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	55.885.163	55.885.163

Ban Giám đốc

Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.538.808.150	2.426.360.000
------------------------------------	---------------	---------------

Ban Kiểm soát

Thù lao

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng ban	249.821.423	245.400.000
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	33.917.974	33.917.974
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	33.917.974	33.917.974

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	219.968.846.992	228.628.270.596
--	-----------------	-----------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)


Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 9 tháng 8 năm 2022

Người lập:


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



